

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

CÔNG TY
CỔ PHẦN
THẾ GIỚI
SỐ

Digitally signed
by CÔNG TY CỔ
PHẦN THẾ GIỚI
SỐ
Date:
2026.10.28
09:23:00 +07'00'



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 43

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên	
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên	
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2026

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban	
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2026
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2026

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán chín (09) tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 09 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán chín (09) tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 10 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm (trình bày lại - thuyết minh số 32)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11,317,824,759,201	10,701,198,692,583
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.	1,114,630,771,960	1,748,849,067,351
1. Tiền	111		418,871,734,423	352,432,027,280
2. Các khoản tương đương tiền	112		695,759,037,537	1,396,417,040,071
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		451,042,617,369	783,432,609,111
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.1	199,890,655,000	772,336,660,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	6.1	(33,667,975,000)	(90,888,205,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	6.2	284,819,937,369	101,984,154,111
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4,797,036,473,056	3,420,578,500,130
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7.1	4,525,242,390,620	3,222,932,367,833
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7.2	263,352,989,411	147,692,277,246
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	8.	25,191,523,143	53,931,648,177
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136		(16,750,430,118)	(3,977,793,126)
IV. Hàng tồn kho	140	9.	4,655,277,114,555	4,436,217,717,740
1. Hàng tồn kho	141		4,868,883,857,944	4,571,619,977,868
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(213,606,743,389)	(135,402,260,128)
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		299,837,782,261	312,120,798,251
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	10.	15,318,710,097	18,775,951,616
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162	19.	283,138,986,875	292,091,116,531
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	19.	1,380,085,289	1,253,730,104

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm (trình bày lại - thuyết minh số 32)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		563,203,536,506	555,654,040,276
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12,838,034,913	14,571,452,668
1. Phải thu dài hạn khác	215	8.	12,945,214,913	14,571,452,668
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216		(107,180,000)	-
II. Tài sản cố định	220		98,318,844,940	126,862,978,181
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11.	29,987,910,449	55,884,251,058
Nguyên giá	222		98,360,166,686	117,611,291,490
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(68,372,256,237)	(61,727,040,432)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12.	68,330,934,491	70,978,727,123
Nguyên giá	228		89,784,243,179	89,116,661,428
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(21,453,308,688)	(18,137,934,305)
III. Bất động sản đầu tư	240	13.	19,676,514,000	-
Nguyên giá	241		20,785,050,000	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(1,108,536,000)	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	260	14.	35,750,934,333	36,824,013,410
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	14.1	12,937,173,250	14,010,252,327
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	14.2	40,233,974,607	40,233,974,607
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264	14.2	(17,420,213,524)	(17,420,213,524)
VI. Tài sản dài hạn khác	270		396,619,208,320	377,395,596,017
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	10.	12,787,253,057	18,108,353,803
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	28.3	179,631,963,282	131,780,641,355
3. Tài sản dài hạn khác	274		9,248,006,055	9,248,006,055
4. Lợi thế thương mại	279	15.	194,951,985,926	218,258,594,804
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		11,881,028,295,707	11,256,852,732,859

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm (trình bày lại - thuyết minh số 32)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		8,495,892,680,589	7,784,383,018,764
I. Nợ ngắn hạn	310		8,492,802,680,589	7,779,849,389,337
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16.1	3,007,151,388,814	3,524,411,186,202
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16.2	159,515,761,986	277,839,588,783
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		670,086,726,470	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	19.	87,884,604,913	41,915,165,019
5. Phải trả người lao động	315		36,812,971,135	40,740,418,105
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	17.	651,637,923,749	432,116,215,957
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	18.	13,343,678,623	563,655,780,790
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	20.	3,866,369,624,899	2,899,171,034,481
II. Nợ dài hạn	330		3,090,000,000	4,533,629,427
1. Phải trả dài hạn khác	338	18.	3,090,000,000	4,533,629,427
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	21.1	3,385,135,615,118	3,472,469,714,095
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2,235,201,690,000	2,213,201,690,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2,235,201,690,000	2,213,201,690,000
2. Thặng dư vốn	412		61,173,761,416	61,233,761,416
3. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		(6,349,937,166)	(6,272,937,166)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1,058,610,400,503	1,163,969,413,742
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		272,881,654,235	616,090,589,658
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		785,728,746,268	547,878,824,084
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		36,099,700,365	39,937,786,103
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		11,881,028,295,707	11,256,852,732,859

Người lập biểu

Trần Quốc Tâm

Kế toán trưởng

Vũ Thị Mai Hàn

Phê duyệt, ngày 28 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Đoàn Hồng Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ GIỚI SÓ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm cho đến cuối quý này		Đơn vị tính: VND
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22.1	11,137,453,910,694	7,503,657,776,055	27,312,134,023,205	18,950,469,057,970	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22.1	(115,207,541,788)	(113,020,393,406)	(516,375,978,843)	(309,071,954,900)	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	22.1	11,022,246,368,906	7,390,637,382,649	26,795,758,044,362	18,641,397,103,070	
4.	Giá vốn hàng bán	11	23.	(10,100,641,049,764)	(6,740,074,211,089)	(24,127,535,746,020)	(17,022,780,298,580)	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		921,605,319,142	650,563,171,560	2,668,222,298,342	1,618,616,804,490	
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	22	22.2	99,727,460,702	69,747,360,563	258,212,134,189	185,728,448,752	
7.	Chi phí tài chính	23	24.	(126,624,268,481)	(78,000,736,507)	(260,615,972,378)	(162,176,401,042)	
	Trong đó: chi phí lãi vay	24		(70,397,118,203)	(49,507,405,009)	(174,370,345,724)	(98,396,000,548)	
8.	Chi phí bán hàng	25	25.	(490,818,530,485)	(409,441,974,471)	(1,512,467,697,319)	(1,022,886,631,414)	
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.	(64,682,712,531)	(55,092,365,417)	(185,358,637,595)	(166,286,239,005)	
10.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		(508,316,531)	197,846,567	(1,073,079,077)	1,489,977,798	
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		338,698,951,816	177,973,302,295	966,919,046,162	454,485,959,579	
12.	Thu nhập khác	31	26.	15,963,981,322	17,556,763,653	35,798,120,967	30,312,218,458	
13.	Chi phí khác	32	26.	(3,072,957,444)	(2,068,049,788)	(6,839,448,500)	(6,910,161,208)	
14.	Lợi nhuận khác	40	26.	12,891,023,878	15,488,713,865	28,958,672,467	23,402,057,250	
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		351,589,975,694	193,462,016,160	995,877,718,629	477,888,016,829	
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28.1	(86,281,608,328)	(55,672,945,561)	(253,980,382,373)	(92,813,062,193)	
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28.1	12,809,782,845	30,675,376,889	47,151,919,317	8,386,711,750	
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		278,118,150,211	168,464,447,488	789,049,255,573	393,461,666,386	
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		276,196,616,259	166,440,414,668	785,728,746,268	388,114,319,320	
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1,921,533,952	2,024,032,820	3,320,509,305	5,347,347,066	
21.	Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu	70		1,248	759	3,551	1,771	

Người lập biểu

Trần Quế Tầm

Kế toán trưởng

Vũ Thị Mai Hân

Phê duyệt ngày 28 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Đoàn Hồng Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	QUÝ III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Đơn vị tính: VND
				Năm nay	Năm trước (trình bày lại - thuyết minh 32)	Năm nay	Năm trước (trình bày lại - thuyết minh 32)	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh								
1. Lợi nhuận trước thuế		01		350,831,553,979	193,462,016,160	995,877,718,629	477,888,016,829	
2. Điều chỉnh cho các khoản:								
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT (bao gồm phân bổ LTTM)		02		11,342,289,333	10,930,644,481	34,375,735,066	31,250,735,593	
- Các khoản dự phòng (hoàn nhập)		03		122,445,379,992	17,401,184,130	33,864,070,253	28,583,509,540	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		05		(14,611,304,837)	10,813,002,233	(75,147,820,634)	(47,928,645,452)	
- Chi phí lãi vay		06		70,397,118,203	49,507,405,009	174,370,345,724	98,396,000,548	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		08		540,405,036,670	282,114,252,013	1,163,340,049,038	588,189,617,058	
- Tăng, giảm các khoản phải thu		09		(1,140,318,390,368)	(1,651,909,170,882)	(1,197,455,943,351)	(1,766,784,104,924)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho		10		987,067,004,848	497,988,409,631	(297,506,736,295)	431,505,510,870	
- Tăng, giảm các khoản phải trả		11		(1,586,389,754,586)	323,536,016,955	(973,131,091,501)	(262,492,185,061)	
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ		12		1,212,068,062	(164,214,860)	8,778,342,265	8,692,108,987	
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		13		100,652,216,607	-	572,446,005,000	-	
- Chi phí đã trả		14		(74,351,793,622)	(47,592,298,810)	(170,833,619,703)	(94,537,744,912)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		15		(101,036,266,643)	(32,615,736,740)	(210,291,300,036)	(88,652,955,682)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20		(1,272,759,879,032)	(628,642,742,693)	(1,104,654,294,583)	(1,184,079,753,664)	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư								
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		21		107,404,066	2,891,963,046	(1,958,650,728)	3,073,872,505	
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		23		(404,001,198,258)	(135,133,322,006)	(504,583,803,018)	(212,839,132,396)	
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		24		106,634,000,000	11,747,070,334	134,692,433,333	65,360,733,334	
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		25		-	(17,420,213,524)	-	(51,271,865,586)	
5. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		26		-	-	-	32,800,000,000	
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia.		27		20,652,801,781	(11,010,848,800)	81,263,429,187	46,438,667,654	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30		(276,606,992,411)	(148,925,350,950)	(290,586,591,226)	(116,437,724,489)	

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT - tiếp theo
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (trình bày lại - thuyết minh 32)	Năm nay	Năm trước (trình bày lại - thuyết minh 32)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		22,000,000,000	19,913,000,000	22,000,000,000	19,913,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(30,000,000)	-	(107,000,000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		5,651,390,492,740	3,871,898,491,293	14,441,065,512,336	10,392,177,457,231
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(4,999,529,906,441)	(3,554,556,153,390)	(13,473,866,921,918)	(9,696,520,179,270)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6,900,300,000)	-	(228,069,000,000)	(109,584,350,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		666,930,286,299	337,255,337,903	761,022,590,418	605,985,927,961
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(882,436,585,144)	(440,312,755,740)	(634,218,295,391)	(694,531,550,192)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	1,997,067,357,104	1,152,445,262,505	1,748,849,067,351	1,406,664,056,957
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	1,114,630,771,960	712,132,506,765	1,114,630,771,960	712,132,506,765

Người lập biểu

Trần Quế Tâm

Kế toán trưởng

Vũ Thị Mai Hân

Phê duyệt, ngày 28 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Đoàn Hồng Việt

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ("SKHĐT") cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 là 807 (ngày 30 tháng 09 năm 2025: 839).

Cơ cấu tổ chức:

Các đơn vị trực thuộc - hoạt động theo ủy quyền của Công ty bao gồm:

(1) Chi nhánh Công ty Cổ phần Thế Giới số	0302861742-001	Hạch toán phụ thuộc
(2) Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thế Giới Số tại Đà Nẵng	0302861742-002	Hạch toán phụ thuộc
(3) Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thế Giới Số - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (*)	0302861742-003	Hạch toán phụ thuộc
(4) Chi nhánh Nguyễn Đình Chiểu – Công ty Cổ Phần Thế Giới Số. (**)	0302861742-004	Hạch toán phụ thuộc

(*) Đã chấm dứt hoạt động chi nhánh theo thông báo của Phòng đăng ký Kinh doanh, Sở Tài Chính, Thành phố Hồ Chí Minh, số 351173/26 ngày 29 tháng 04 năm 2026.

(**) Đã chấm dứt hoạt động chi nhánh theo thông báo của Phòng đăng ký Kinh doanh, Sở Tài Chính, Thành phố Hồ Chí Minh, số 399565/26 ngày 15 tháng 05 năm 2026.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm Công ty có hai (2) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết gián tiếp như sau:

Công ty	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Lợi ích	Quyền biểu quyết	Lợi ích	Quyền biểu quyết
			%	%	%	%
Công ty con trực tiếp						
(1) Công ty TNHH Nexta Capital ("Nexta") (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	100	100	100	100
(2) Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam ("B2X")	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	89.85	89.85	90	90
Công ty con gián tiếp						
(1) Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology ("1 Digital")	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử	100	100	100	100
(2) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L ("C.L")	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán hàng tiêu dùng	99.811	99.811	99.15	99.15
(3) Công ty Cổ phần Thương Mại và Sản xuất Bellvina ("Bellvina")	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán hàng tiêu dùng	76.99	76.99	76.99	76.99
(4) Công ty TNHH Một Thành Viên Dpharma ("Dpharma")	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối dược phẩm	100	100	100	100
(5) Công ty Cổ phần Achison ("Achison")	Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn và mua bán giải pháp bảo hộ lao động	76.99	76.99	76.99	76.99
(6) Công ty TNHH B2X Care Solutions Vietnam (iv)	Thành phố Hồ Chí Minh	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	89.85	89.85	90	90
Công ty liên kết gián tiếp						
(1) Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín ("Đại Tín")	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối dược phẩm	36.00	36.00	36.00	36.00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ báo cáo*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ kế toán chín (09) tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.6 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán chín (09) tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán chín (09) tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ phát sinh từ việc áp dụng lần đầu Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99") và Thông tư số 43/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 43").

3.1.1 Thay đổi chính sách kế toán do áp dụng quy định kế toán mới theo Thông tư số 99

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99, thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Nhóm Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Nhóm Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99, như được trình bày tại Thuyết minh số 32.

3.1.2 Thay đổi chính sách kế toán do áp dụng quy định kế toán mới theo Thông tư số 43

Vào ngày 20 tháng 04 năm 2026, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 43, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 43 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 43 và Chế độ kế toán Việt Nam không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và không bị hạn chế sử dụng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty xác định số lượng và tính giá trị hàng tồn kho theo từng lần phát sinh. Giá trị hàng tồn kho đó được xác định như sau: Hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho là khoản dự tính trước phần giá trị bị giảm xuống (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác bị giảm giá. Nhóm công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (tiếp theo)

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích lập dự phòng phải thu (%)</i>
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70
Từ 3 năm trở lên	100

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình bao gồm những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản đó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Nhóm Công ty.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Nhóm Công ty.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm máy tính	2 - 6 năm

Tài sản cố định hữu hình được bắt đầu trích khấu hao ngày khi tài sản bắt đầu có khả năng sử dụng hữu ích. Tài sản cố định vô hình được bắt đầu trích khấu hao từ khi đưa vào sử dụng.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Nhóm Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu hồi được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Bất động sản đầu tư (tiếp theo)*

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.10 *Xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.11 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn, chi phí thu xếp khoản vay, được phân bổ dần theo thời hạn của khoản vay theo phương pháp đường thẳng.

3.12 *Chi phí chờ phân bổ*

Chi phí chờ phân bổ được phân bổ trong khoản thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán để phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

- Chi phí về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động TSCĐ đã phát sinh phục vụ cho sản xuất, kinh doanh nhiều kỳ kế toán;
- Chi phí bảo hiểm.
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán.

3.13 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.14 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn một phần hoặc toàn bộ giá trị của khoản đầu tư (bao gồm cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu có) bị suy giảm giá trị hoặc không thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã được ký kết và các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ.

3.16 Các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ tùy theo nội dung và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (sau đây gọi tắt là tỷ giá xấp xỉ).

Tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Việc sử dụng tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo không làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán của Nhóm Công ty.

Trường hợp ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch không công bố tỷ giá của loại ngoại tệ mà Nhóm Công ty phát sinh thì Nhóm Công ty sử dụng một loại tiền tệ trung gian để quy đổi sang đơn vị tiền tệ trong kế toán của đơn vị nhưng phải áp dụng nhất quán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.18 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công. Phần chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu mua lại của chính mình) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

3.20 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, Doanh thu cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.21 *Các khoản giảm trừ doanh thu*

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Nhóm Công ty ghi nhận giảm doanh thu ghi nhận trong năm nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

3.22 *Chi phí bán hàng*

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

3.23 *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.24 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ này và kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 và cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.25 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.26 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

3.27 *Báo cáo bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc đã định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

3.28 *Ước tính kế toán trọng yếu*

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh Nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC SỰ KIẾN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1 *Tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Nexta Capital.*

Vào 19 tháng 03 năm 2026, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 508.000.000.000 VNĐ. Vào ngày 13 tháng 04 năm 2026, Công ty TNHH Nexta Capital ("Nexta") đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 3 do Thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ của Nexta lên 508.000.000.000 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

4.2 Tăng thêm sở hữu trong công ty cổ phần dịch vụ phát triển thị trường C.L

Tại ngày 08 tháng 04 năm 2026, Nhóm Công ty đã góp thêm 82.385.000.000 VNĐ vào C.L tăng phần sở hữu từ 99,15% thành 99.811% tại ngày này. Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của C.L (không bao gồm lợi thuế thương mại từ nghiệp vụ mua lần đầu) tại ngày góp thêm vốn là 107.644.180.817 VNĐ, và giá trị ghi sổ của phần sở hữu tăng thêm là 711.528.035 VNĐ. Chênh lệch giữa vốn góp tăng thêm và giá trị ghi sổ của phần sở hữu tăng thêm được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.3 Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam ("B2X").

Ngày 09 tháng 09 năm 2026, Nhóm công ty đã chuyển nhượng 900 cổ phần (tương ứng 0,15% tỷ lệ sở hữu) tại Công ty B2X cho các cá nhân với tổng giá trị 9.000.000 VNĐ, qua đó giảm tỷ lệ sở hữu từ 90% xuống còn 89,85%. Tại ngày chuyển nhượng, giá trị tài sản thuần của Công ty B2X là 12.217.511.971 VNĐ. Giao dịch này làm phát sinh lỗ thoái vốn hợp nhất là 48.255.524 VNĐ (bao gồm 9.476.268 VNĐ chênh lệch giữa giá bán và phần tài sản thuần chuyển nhượng, cùng 38.779.256 VNĐ lợi thế thương mại giảm được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ).

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm (trình bày lại - thuyết minh số 32)
Tiền mặt	563,051,121	391,146,663
Tiền gửi không kỳ hạn	418,308,683,302	352,040,880,617
- Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)	67,707,530,455	53,271,921,052
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	207,813,382,835	54,944,796,409
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	45,023,053,377	25,619,281,534
- Khác	97,764,716,635	218,204,881,622
Các khoản tương đương tiền (*)	695,759,037,537	1,396,417,040,071
- Trái phiếu (*)	695,759,037,537	1,380,903,546,278
- Tiền gửi có kỳ hạn (**)	-	15,513,493,793
TỔNG CỘNG	1,114,630,771,960	1,748,849,067,351

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, Các khoản tiền và tương đương tiền nêu trên của Nhóm Công ty đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng.

(*) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, các khoản đầu tư vào trái phiếu ngân hàng và doanh nghiệp có tổng trị giá 695,759,037,537 VNĐ. Các khoản đầu tư này được cam kết mua lại bởi các công ty chứng khoán trong khoảng thời gian dưới ba (03) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 9.0% đến 12%/năm, chi tiết như sau:

Công ty	Lãi suất % năm	Ngày đáo hạn	Số cuối kỳ VND
Công ty Cổ phần In Và Bao Bì Goldsun	9.00%	từ 30.11.2026 đến 01.12.2026	373,354,211,403
Công ty TNHH Lạc Việt Quy Nhơn	12.00%	23.12.2026	120,256,129,163
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	9.00%	01.12.2026	101,733,135,046
Công ty Cổ phần Đô thị Du lịch Cần Giờ	10.50%	06.11.2026	100,415,561,925
TỔNG CỘNG			695,759,037,537

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND
Chứng khoán kinh doanh	199,890,655,000	772,336,660,000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(33,667,975,000)	(90,888,205,000)
GIÁ TRỊ THUẬN	166,222,680,000	681,448,455,000

Số cuối kỳ thể hiện giá trị gốc của khoản đầu tư cổ phiếu vào các công ty niêm yết với mục đích kinh doanh như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
1. Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	-	-	-	227,249,880,000	215,160,000,000	(12,089,880,000)
2. Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP	199,890,655,000	166,222,680,000	(33,667,975,000)	-	-	-
3. Khác	-	-	-	545,086,780,000	466,288,455,000	(78,798,325,000)
TỔNG CỘNG	199,890,655,000	166,222,680,000	(33,667,975,000)	772,336,660,000	681,448,455,000	(90,888,205,000)

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm (trình bày lại - thuyết minh số 32)
		VND
Phải thu về cho vay (*)	116,230,809,316	86,129,154,111
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	68,115,200,569	15,855,000,000
Trái phiếu (***)	100,473,927,484	-
TỔNG CỘNG	284,819,937,369	101,984,154,111

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

B09-DN/HN

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Đây là khoản cho vay ngắn hạn có thời hạn còn lại dưới một (1) năm kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất dao động đến 10%/năm. Chi tiết sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm (trình bày lại - thuyết minh số 32)		VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
1. Công ty Cổ phần Việt Money	115,654,987,398	115,654,987,398	86,129,154,111	86,129,154,111	-
2. Khác	575,821,918	575,821,918	-	-	-
TỔNG CỘNG	116,230,809,316	116,230,809,316	86,129,154,111	86,129,154,111	-

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, chi tiết phải thu về cho vay ngắn hạn như sau:

Công ty	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Số cuối kỳ VND
Công ty Cổ phần Việt Money	Từ ngày 05 tháng 11 năm 2026 đến ngày 27 tháng 08 năm 2027	Từ 8,10 đến 10,00	115,654,987,398
Khác	Từ ngày 19 tháng 09 năm 2026 đến ngày 30 tháng 09 năm 2027	đến 10,00	575,821,918
TỔNG CỘNG			116,230,809,316

(**) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và được hưởng lãi suất dao động từ 4,2% đến 7,8%/năm

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
1. Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	18,210,191,781	18,210,191,781	5,500,000,000	5,500,000,000	-
2. Ngân hàng TMCP Quân đội	16,329,334,078	16,329,334,078	-	-	-
3. Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	26,244,493,151	26,244,493,151	-	-	-
4. Khác	7,331,181,559	7,331,181,559	10,355,000,000	10,355,000,000	-
TỔNG CỘNG	68,115,200,569	34,539,525,859	15,855,000,000	15,855,000,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Số cuối kỳ VND
1. Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Từ ngày 06 tháng 01 năm 2027 đến ngày 22 tháng 01 năm 2027	Từ 8.26 đến 8.60	18,210,191,781
2. Ngân hàng TMCP Quân đội	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2026 đến ngày 03 tháng 02 năm 2027	8.20	16,329,334,078
3. Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Từ ngày 18 tháng 02 năm 2027 đến ngày 05 tháng 03 năm 2027	9.20	26,244,493,151
4. Khác	Từ ngày 21 tháng 07 năm 2026 đến ngày 23 tháng 08 năm 2027	Từ 4.50 đến 7.80	7,331,181,559
TỔNG CỘNG			68,115,200,569

(***) Đây là khoản trái phiếu có thời hạn trên 3 tháng và dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 11.54%. Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP	100,473,927,484	100,473,927,484	-	-
	100,473,927,484	100,473,927,484	-	-

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, chi tiết khoản trái phiếu ngắn hạn như sau:

	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Số cuối kỳ VND
Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP	Ngày 18 tháng 01 năm 2027	11.54	100,473,927,484
TỔNG CỘNG			100,473,927,484

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN.**7.1 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm VND
- Công Ty Cổ Phần Đầu tư Điện Máy Xanh & Hệ thống các chi nhánh	1,123,165,332,232	774,511,088,750
- Công ty Cổ Phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT & Hệ thống các chi nhánh.	405,249,828,220	184,820,334,877
- Tổng công ty công nghiệp công nghệ cao Viettel - Chi nhánh tập đoàn công nghiệp - viễn thông Quân đội.	502,201,861,920	146,126,468,880
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2,494,625,368,248	2,117,474,475,326
TỔNG CỘNG	4,525,242,390,620	3,222,932,367,833
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6,491,025,540)	(3,977,793,126)
GIÁ TRỊ THUẦN	4,518,751,365,080	3,218,954,574,707
Trong đó:		
Phải thu bên khác	4,522,133,949,543	3,209,188,254,086
Phải thu bên liên quan (thuyết minh số 29)	3,108,441,077	13,744,113,747

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

		VND
- HP PPS Singapore (Sales) Pte Ltd	53,055,474,993	-
- Công ty TNHH Công Nghệ HP Việt Nam	48,610,227,190	-
- Công ty TNHH Công nghệ Huawei Việt Nam.	52,935,908,217	85,397,336,694
- CN Công ty TNHH Cuckoo Vina Tại Tp Hồ Chí Minh	18,678,113,752	-
- Khác	90,073,265,259	62,294,940,552
TỔNG CỘNG	263,352,989,411	147,692,277,246
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	(4,288,362,500)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	259,064,626,911	147,692,277,246

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm (trình bày lại - thuyết minh số 32) VND
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	1,393,201,355	5,266,253,879
Đặt cọc, ký quỹ	15,739,574,459	12,068,442,986
Phải thu khác	8,058,747,329	36,596,951,312
TỔNG CỘNG	25,191,523,143	53,931,648,177
Dự phòng phải thu khác	(5,971,042,078)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	19,220,481,065	53,931,648,177

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

8. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	12,945,214,913	14,571,452,668
Dự phòng phải thu khác	(107,180,000)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	12,838,034,913	14,571,452,668

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng hóa	4,726,792,202,305	3,548,096,998,750
Hàng mua đang đi đường	14,986,744,780	984,285,130,773
Hàng hóa ký gửi	124,937,431,365	14,102,522,664
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2,167,479,494	25,135,325,681
TỔNG CỘNG	4,868,883,857,944	4,571,619,977,868
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(213,606,743,389)	(135,402,260,128)
GIÁ TRỊ THUẦN	4,655,277,114,555	4,436,217,717,740

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu kỳ	135,402,260,128	127,641,898,183
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	187,468,256,961	201,539,484,204
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(109,263,773,700)	(193,779,122,259)
Số cuối kỳ	213,606,743,389	135,402,260,128

10. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BÒ

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí hoạt động	14,955,431,433	18,569,654,507
Công cụ, dụng cụ	363,278,664	206,297,109
	15,318,710,097	18,775,951,616
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	2,968,613,655	4,152,025,101
Khác	9,818,639,402	13,956,328,702
	12,787,253,057	18,108,353,803

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

B09-DN/HN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	41,968,230,735	6,703,161,702	63,265,431,964	5,674,467,089	117,611,291,490
Mua trong kỳ	-	46,368,977	32,000,000	1,455,556,219	1,533,925,196
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(20,785,050,000)	-	-	-	(20,785,050,000)
Số cuối kỳ	21,183,180,735	6,749,530,679	63,297,431,964	7,130,023,308	98,360,166,686
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	6,297,482,178	14,003,525,763	2,801,161,515	23,102,169,456
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	(15,032,643,255)	(6,499,286,100)	(36,205,818,206)	(3,989,292,871)	(61,727,040,432)
Khấu hao trong năm	(640,203,822)	(69,661,967)	(6,173,178,322)	(870,707,694)	(7,753,751,805)
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	1,108,536,000	-	-	-	1,108,536,000
Số cuối kỳ	(14,564,311,077)	(6,568,948,067)	(42,378,996,528)	(4,860,000,565)	(68,372,256,237)
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	26,935,587,480	203,875,602	27,059,613,758	1,685,174,218	55,884,251,058
Số cuối kỳ	6,618,869,658	180,582,612	20,918,435,436	2,270,022,743	29,987,910,449

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Chi tiết các TSCĐ hữu hình đang hiện hữu và đã chuyển sang bất động sản đầu tư:

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Nguyên giá	Nguyên giá
TSCĐ hữu hình đang hiện hữu		
PT phục vụ công tác & giao dịch đối tác của Ban Lãnh đạo_MB06689	10,945,980,700	10,945,980,700
PT phục vụ công tác & giao dịch đối tác của Ban Lãnh đạo_RR72989	10,684,741,817	10,684,741,817
PT phục vụ công tác & giao dịch đối tác của Ban Lãnh đạo_AM3966	15,607,812,263	15,607,812,263
TSCĐ hữu hình đã chuyển sang bất động sản đầu tư trong kỳ		
Bất động sản Ngân Hiệp 1	20,785,050,000	20,785,050,000

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá	VND	VND	VND
Số đầu kỳ	31,734,485,248	57,382,176,180	89,116,661,428
Mua trong kỳ	667,581,751	-	667,581,751
Số cuối kỳ	32,402,066,999	57,382,176,180	89,784,243,179
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	(18,137,934,305)	-	(18,137,934,305)
Khấu hao trong kỳ	(3,315,374,383)	-	(3,315,374,383)
Số cuối kỳ	(21,453,308,688)	-	(21,453,308,688)
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	13,596,550,943	57,382,176,180	70,978,727,123
Số cuối kỳ	10,948,758,311	57,382,176,180	68,330,934,491

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Vào đầu năm 2026, Nhóm Công ty đã thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng một tài sản cố định hữu hình sang bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Sau khi chuyển đổi, tài sản được theo dõi, không trích khấu hao và ghi nhận theo chính sách kế toán áp dụng đối với bất động sản đầu tư của Công ty, chi tiết như sau:

	VND		
	Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Bất động sản Ngân Hiệp 1 (NWH-WDL.BR-D.SV.135)	20,785,050,000	(1,108,536,000)	19,676,514,000
TỔNG CỘNG	20,785,050,000	(1,108,536,000)	19,676,514,000

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, chưa đánh giá và xác định một cách chính thức giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Tuy nhiên trên cơ sở tình hình thị trường bất động sản tại khu vực có liên quan và các thông tin hiện có tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có dấu hiệu cho thấy giá trị có thể thu hồi của các bất động sản đầu tư thấp hơn giá trị còn lại ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

B09-DN/HN

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.1)	12,937,173,250	12,937,173,250	-	14,010,252,327	14,010,252,327	
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 14.2)	40,233,974,607	40,233,974,607	(17,420,213,524)	40,233,974,607		(17,420,213,524)
TỔNG CỘNG	53,171,147,857	53,171,147,857	(17,420,213,524)	54,244,226,934	54,244,226,934	(17,420,213,524)

VND

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Nhóm Công ty có một công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động kinh doanh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần Dược phẩm Đại Tín ("Đại tín")	Phân phối dược phẩm	12,937,173,250	36%	14,010,252,327	36%

VND

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá trị ghi sổ để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác giá trị trường do các khoản đầu tư này không có giá trị niêm yết trên thị trường.

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

VND

Giá gốc Khoản đầu tư

Số đầu kỳ và số cuối kỳ

Phản lãi lũy kế sau khi mua công ty liên kết:

Số đầu kỳ

Phần lỗ phát sinh trong kỳ

Số cuối kỳ

Giá trị còn lại

Số đầu kỳ

Số cuối kỳ

VND

Đại tín

9,879,000,000

4,131,252,327

(1,073,079,077)

3,058,173,250

14,010,252,327

12,937,173,250

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

B09-DN/HN

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào đơn vị khác

Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Công ty TNHH Digiworld Venture	19	40,233,974,607	22,813,761,083	(17,420,213,524)
			40,233,974,607	22,813,761,083
				(17,420,213,524)

Công ty TNHH Digiworld Venture ("Venture") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313309149 do SKHĐT cấp ngày 16 tháng 06 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Venture là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử. Venture có trụ sở đăng ký tại số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác theo giá trị ghi sổ để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác giá trị thường do các khoản đầu tư này không có giá trị niêm yết trên thị trường.

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Nguyên giá	C.L		Achison	B2X	VND Tổng cộng
Số đầu kỳ và	5,752,799,715	274,466,587,343	30,022,649,952		310,242,037,010
Giảm do bán cổ phần công ty con	-	-	(38,779,256)		(38,779,256)
Số cuối kỳ	5,752,799,715	274,466,587,343	29,983,870,696		310,203,257,754
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu kỳ	(4,889,879,762)	(82,339,976,202)	(4,753,586,242)		(91,983,442,206)
Phân bổ trong kỳ	(431,459,982)	(20,584,994,051)	(2,251,375,589)		(23,267,829,622)
Số cuối kỳ	(5,321,339,744)	(102,924,970,253)	(7,004,961,831)		(115,251,271,828)
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	862,919,953	192,126,611,141	25,269,063,710		218,258,594,804
Số cuối kỳ	431,459,971	171,541,617,090	22,978,908,865		194,951,985,926

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**16.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND
Công ty TNHH Xiaomi Việt Nam	687,286,868,545	733,816,199,624
Công ty TNHH Apple Việt Nam	542,765,675,016	708,594,364,805
Asus Global Pte. Ltd	458,663,782,652	1,031,772,003,394
Super Micro Computer, Inc. Taiwan	435,191,773,934	2,917,080,096
Nhà cung cấp khác	883,243,288,667	1,047,311,538,283
TỔNG CỘNG	3,007,151,388,814	3,524,411,186,202

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND
Xiaomi H.K Limited	79,158,393,415	70,554,215,438
Công Ty Cổ Phần Greennode	23,476,595,083	-
Amd International Sales & Service, Ltd.	14,969,032,667	17,160,042,890
Khác	41,911,740,821	190,125,330,455
TỔNG CỘNG	159,515,761,986	277,839,588,783

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND
Chiết khấu thương mại	188,978,914,564	244,879,791,178
Chi phí hoạt động và hỗ trợ bán hàng	444,831,181,125	169,082,429,533
Chi phí lãi vay	9,626,914,128	6,090,188,107
Khác	8,200,913,932	12,063,807,139
TỔNG CỘNG	651,637,923,749	432,116,215,957

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND
Ngắn hạn		
Bao thanh toán (*)	-	522,704,647,375
Chi trả hộ	4,394,208,715	30,304,028,483
Phải trả BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	3,590,984,422	3,358,982,321
Nhận ký quỹ, ký cược	3,793,253,003	4,481,784,200
Phải trả khác	1,565,232,483	2,806,338,411
TỔNG CỘNG	13,343,678,623	563,655,780,790
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	3,090,000,000	4,533,629,427
TỔNG CỘNG	3,090,000,000	4,533,629,427

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC					VND
Phải thu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ	
Thuế giá trị gia tăng	292,217,700,008	3,011,485,983,016	(3,020,438,112,672)	283,265,570,352	
Thuế xuất, nhập khẩu	1,110,409,821	26,133,680,090	(25,947,421,139)	1,296,668,772	
Thuế khác	16,736,806	2,245,140,384	(2,305,044,150)	(43,166,960)	
TỔNG CỘNG	293,344,846,635	3,039,864,803,490	(3,048,690,577,961)	284,519,072,164	
Phải nợ					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40,178,045,739	253,980,382,373	(210,187,945,486)	83,970,482,626	
Thuế thu nhập cá nhân	853,901,348	12,648,897,889	(9,973,950,752)	3,528,848,485	
Thuế GTGT phải nộp	669,805,735	3,248,493,025,282	(3,248,845,601,464)	317,229,553	
Thuế khác	213,412,197	1,431,804,735	(1,577,172,683)	68,044,249	
TỔNG CỘNG	41,915,165,019	3,516,554,110,279	(3,470,584,670,385)	87,884,604,913	

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

20. VAY NGẮN HẠN				VND
	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngân hàng	2,899,171,034,481	13,851,522,028,413	(12,884,323,437,995)	3,866,369,624,899
Vay từ tổ chức khác	-	589,543,483,923	(589,543,483,923)	-
	2,899,171,034,481	14,441,065,512,336	(13,473,866,921,918)	3,866,369,624,899

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp này nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ VND	Ngày đến hạn thanh toán	Lãi suất (%/hăm)	Hình thức bảo đảm
1. Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	1,354,448,493,672	Từ ngày 12/10/2026 đến ngày 23/12/2026	Từ 7.10% đến 7.20%	Không có tài sản đảm bảo
2. Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	856,337,467,650	Từ ngày 28/10/2026 đến ngày 15/12/2026	Từ 7.00% đến 7.40%	Không có tài sản đảm bảo
3. Ngân Hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	614,364,392,167	Từ ngày 13/10/2026 đến ngày 29/12/2026	7.40%	Không có tài sản đảm bảo
4. Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu	414,311,674,680	Từ ngày 02/11/2026 đến ngày 15/12/2026	Từ 8.00% đến 8.5%	Không có tài sản đảm bảo
5. Ngân Hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	373,259,399,266	Từ ngày 05/10/2026 đến ngày 27/11/2026	Từ 7.20% đến 7.30%	Không có tài sản đảm bảo
6. Các Ngân hàng khác	253,648,197,464	Từ ngày 28/10/2026 đến ngày 29/12/2026	Từ 7.00% đến 7.45%	Không có tài sản đảm bảo
TỔNG CỘNG	3,866,369,624,899			

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU							VND
21.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu							Tổng cộng
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	2,193,201,690,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	730,349,063,488	33,066,026,670	3,011,977,604,408
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(109,584,350,000)	-	(109,584,350,000)
Điều chỉnh lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	-	(4,884,641,347)	4,905,806,227	21,164,880
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	388,114,319,320	5,347,347,066	393,461,666,386
Thay đổi từ nhượng bán công ty con	-	-	-	-	210,517,517	(5,155,736,878)	(4,945,219,361)
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2025	2,193,201,690,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	1,004,204,908,978	38,163,443,085	3,290,930,866,313
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	2,213,201,690,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	1,163,969,413,742	399,377,861,03	3,472,469,714,095
Phát hành cổ phiếu ESOP (*)	22,000,000,000	-	-	-	-	-	22,000,000,000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(60,000,000)	-	-	-	-	(60,000,000)
Mua lại cổ phiếu của chính mình (**)	-	-	(77,000,000)	-	-	-	(77,000,000)
Cổ tức công bố bằng tiền (***)	-	-	-	-	(891,251,700,000)	(6,900,300,000)	(898,152,000,000)
Điều chỉnh kỳ trước	-	-	-	-	(547,587,542)	444,232,992	(103,354,550)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	785,728,746,268	3,320,509,305	789,049,255,573
Thay đổi lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	711,528,035	(702,528,035)	9,000,000
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026	2,235,201,690,000	61,173,761,416	(6,349,937,166)	400,000,000	1,058,610,400,503	36,099,700,365	3,385,135,615,118

(*) Vào ngày 26 tháng 08 năm 2026, Công ty công bố đã hoàn thành việc phát hành 2.200.000 cổ phiếu này. Vào ngày 08 tháng 09 năm 2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty. Việc phát hành cổ phiếu này được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 08/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2026, và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 24/2026/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 07 năm 2026. Theo đó, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 37 do SKHĐT cấp ngày 18 tháng 09 năm 2026, về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 2.235.201.690.000 VND.

(**) Tại ngày 10 tháng 06 năm 2026, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 20/2026/NQ-ĐHĐCĐ về việc mua lại 7.700 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024 và 2025 của những nhân viên nghỉ việc để làm cổ phiếu mua lại của chính mình, với giá mua là 10.000 VND/Cổ phiếu. Tại ngày 07 tháng 07 năm 2026, Công ty đã hoàn thành việc mua lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**21.1** Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)*Tình hình chi trả cổ tức bằng tiền*

a. Cổ tức năm 2025:

(***) Công ty Cổ phần Thế Giới Số: Theo Nghị quyết số 07/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2026 và Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐQT ngày 23/04/2026, Công ty chi trả cổ tức bằng tiền 1.000 đồng/cổ phiếu, tổng số tiền 221.168.700.000 VND.

(***) Công ty CP A Chi Sơn: Theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐQT ngày 14/05/2026 và Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐQT ngày 17/08/2026, Công ty chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền 2.500 đồng/cổ phiếu/1 đợt trả, tổng số tiền của 2 đợt chi trả cổ tức năm 2025 là: 6.900.300.000 VND.

b. Cổ tức năm 2026:

(***) Công ty Cổ phần Thế Giới Số: Theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/09/2026, Công ty thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền 3.000 đồng/cổ phiếu, tổng số tiền dự kiến 670.083.000.000 đồng, chia thành 3 đợt:

Đợt 1: Quý IV/2026 - Đợt 2: Quý I/2027 - Đợt 3: Quý II/2027.

Thực hiện kế hoạch trên, Nghị quyết số 38/2026/NQ-HĐQT ngày 21/09/2026 thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 với mức 1.000 đồng/cổ phiếu, tổng số tiền dự kiến 223.361.000.000 đồng, chi trả trong Quý IV/2026.

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và cổ tức đã trả

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	2,213,201,690,000	2,193,201,690,000
Tăng trong kỳ	22,000,000,000	-
Số cuối kỳ	<u>2,235,201,690,000</u>	<u>2,193,201,690,000</u>
Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ		
Cổ tức công bố bằng tiền	898,152,000,000	109,584,350,000
Cổ tức đã trả bằng tiền	228,069,000,000	109,584,350,000

21.3 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	223,520,169	221,320,169
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	223,520,169	221,320,169
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	223,520,169	221,320,169
Cổ phiếu mua lại của chính mình	(159,169)	(151,469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(159,169)	(151,469)
Cổ phiếu đang lưu hành	223,361,000	221,168,700
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	223,361,000	221,168,700

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

22. DOANH THU**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Tổng doanh thu:	27,312,134,023,205	18,950,469,057,970
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	26,919,891,211,851	18,401,930,044,684
Doanh thu cung cấp dịch vụ	392,242,811,354	548,539,013,286
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	(464,564,497,677)	(297,798,836,831)
Hàng bán bị trả lại.	(51,811,481,166)	(11,273,118,069)
DOANH THU THUẦN	26,795,758,044,362	18,641,397,103,070
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	26,750,956,716,433	18,555,032,072,422
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	44,801,327,929	86,365,030,648

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	10,231,690,117	4,033,083,780
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	58,882,107,306	54,740,518,620
Chiết khấu thanh toán được hưởng	93,887,452,866	55,068,781,285
Lãi trái phiếu	57,133,034,594	37,882,279,467
Lãi do thanh lý chứng khoán kinh doanh	28,780,987,663	29,480,481,193
Cổ tức được chia bằng tiền	8,856,175,000	-
Khác	440,686,643	4,523,304,407
TỔNG CỘNG	258,212,134,189	185,728,448,752

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	23,871,980,514,462	16,631,674,698,766
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	255,555,231,558	391,105,599,814
TỔNG CỘNG	24,127,535,746,020	17,022,780,298,580

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Chi phí đi vay	174,370,345,724	98,396,000,548
Lỗ do thanh lý chứng khoán kinh doanh	36,550,365,395	41,389,709,083
Lỗ chênh lệch tỷ giá	14,862,659,711	13,877,222,399
Dự phòng giảm giá chứng khoán	33,667,975,000	-
Lỗ do nhượng bán thanh lý công ty con	-	2,875,034,635
Chi phí tài chính khác	1,164,626,548	5,638,434,377
TỔNG CỘNG	260,615,972,378	162,176,401,042

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Chi phí bán hàng	1,512,467,697,319	1,022,886,631,414
Chi phí nhân viên	67,656,444,049	64,488,320,280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98,640,805,321	71,818,784,317
Chi phí vận chuyển	69,175,317,854	33,278,427,472
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	1,268,848,355,025	840,735,819,764
Chi phí khác	8,146,775,070	12,565,279,581

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp	185,358,637,595	166,286,239,005
Chi phí nhân viên	84,775,858,929	75,273,525,719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31,228,375,325	58,746,142,975
Chi phí khác	69,354,403,341	32,266,570,311
TỔNG CỘNG	1,697,826,334,914	1,189,172,870,419

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thu nhập khác	35,798,120,967	30,312,218,458
Các khoản được hỗ trợ, tài trợ, biếu, tặng,...	27,021,153,532	1,079,403,062
Thu nhập từ bồi thường, phạt hợp đồng	6,110,080,680	3,336,007,665
Khác	2,666,886,755	25,896,807,731
Chi phí khác	6,839,448,500	6,910,161,208
Chi phí khấu hao không được khấu trừ	4,883,223,221	5,087,839,054
Các khoản bị phạt	1,845,254,984	66,448,376
Các khoản chi phí khác	110,970,295	1,755,873,778
LỢI NHUẬN KHÁC	28,958,672,467	23,402,057,250

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí mua hàng và dịch vụ	24,051,947,567,852	17,022,780,298,580
Chi phí nhân công	228,020,481,146	139,761,845,999
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	34,375,735,066	31,250,735,593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	199,044,498,500	163,843,354,764
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	1,268,848,355,025	840,735,819,764
Chi phí khác	43,125,443,345	13,581,114,299
	25,825,362,080,934	18,211,953,168,999

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	253,980,382,373	92,813,062,193
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(47,151,919,317)	(8,386,711,750)
TỔNG CỘNG	206,828,463,056	84,426,350,443

28.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	995,877,718,629	477,888,016,829
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	199,175,543,726	95,577,603,366
Các khoản điều chỉnh:		
Lỗ thuế trong kỳ của các công ty con chưa ghi nhận thuế hoãn lại	-	8,318,951,364
Thu nhập thuộc diện nộp thuế TNDN đã ghi nhận kỳ trước	(455,103,218)	-
Phân bổ lợi thế thương mại	4,661,321,775	(4,653,630,555)
Chi phí không được khấu trừ thuế	5,194,567,223	1,128,794,338
Dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con	-	(877,226,878)
Lỗ/Lãi từ công ty liên kết	214,615,815	(297,995,560)
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(1,771,235,000)	-
Điều chỉnh khác	(191,247,265)	(14,770,145,632)
Chi phí thuế TNDN	206,828,463,056	84,426,350,443

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**28.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Sau đây là các tài sản thuế thu nhập hoãn lại được Nhóm Công ty ghi nhận và biến động trong đó, trong kỳ hiện tại và các kỳ trước:

	VND	
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả	130,144,053,510	86,522,548,330
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	42,721,348,677	27,080,452,025
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5,572,352,679	18,177,641,000
Dự phòng phải thu khác	1,194,208,416	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	179,631,963,282	131,780,641,355

	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí phải trả	42,922,102,571	(2,580,020,928)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	15,640,896,652	10,966,732,678
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá chứng khoán	(12,605,288,322)	-
Dự phòng phải thu khác	1,194,208,416	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	47,151,919,317	8,386,711,750

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 09 năm 2026 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiên Phương	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên HĐQT/ Chủ tịch Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên HĐQT/Thành viên Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên HĐQT
Bà Tô Tiểu Yến	Chị của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Created Future	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DHV	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DKP	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV TOHT	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Bán hàng hóa	44,674,651,614	85,147,105,628
	Cung cấp dịch vụ	126,676,315	1,217,925,020
Bà Tô Tiểu Yến	Thuê nhà	270,000,000	120,000,000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
----------------------	---------------------------	-------------------	-------------------

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Bán hàng hóa, dịch vụ	3,108,441,077	13,744,113,747
-----------------------------------	-----------------------	---------------	----------------

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị như sau:

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	175,397,000	139,481,000
Bà Đặng Kiên Phương	Tổng Giám đốc	174,826,500	142,010,000
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	164,497,500	133,658,000
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên	90,000,000	90,000,000
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	90,000,000	90,000,000
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên độc lập	50,000,000	-
		744,721,000	595,149,000

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

		VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	785,728,746,268	388,114,319,320
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân dùng để tính lãi trên cổ phiếu	221,271,036	219,168,700
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	3,551	1,771

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		VND
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dưới 1 năm	74,002,992,697	64,341,232,560
Từ 1 đến 5 năm	65,698,304,884	87,782,148,187
Trên 5 năm	-	11,000,000
TỔNG CỘNG	139,701,297,581	152,134,380,747

32. PHÂN LOẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO HƯỚNG DẪN CỦA THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng của Báo cáo tài chính hợp nhất đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 do lần đầu áp dụng trong kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

Báo cáo Tình hình Tài chính Hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

				VND
Nội dung các chỉ tiêu trình bày lại	Mã số	Số cuối năm (được trình bày lại)	Phân loại, trình bày lại	Số cuối năm (đã được trình bày trước đây)
Tổng các chỉ tiêu trình bày lại:		1,552,332,842,359	-	1,552,332,842,359
I. Tiền và các khoản tương đương tiền				
Các khoản tương đương tiền	112	1,396,417,040,071	6,847,081,372	1,389,569,958,699
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.	123	101,984,154,111	86,129,154,111	15,855,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn				
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	(85,958,433,333)	85,958,433,333
Phải thu ngắn hạn khác	135	53,931,648,177	(7,017,802,150)	60,949,450,327

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

32. PHÂN LOẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO HƯỚNG DẪN CỦA THÔNG TƯ 99 (tiếp theo)**Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ Hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:**

Nội dung các chỉ tiêu trình bày lại	Mã số	Số cuối năm (được trình bày lại)	Phân loại, trình bày lại	Số cuối năm (đã được trình bày trước đây)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(932,472,247,641)	7,017,802,150	(939,490,049,791)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(82,381,027,330)	7,017,802,150	(89,398,829,480)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(175,587,587,444)	(86,129,154,111)	(89,458,433,333)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	156,319,166,667	85,958,433,333	70,360,733,334
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	32,396,933,301	(170,720,778)	32,567,654,079
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	341,910,038,360	6,847,081,372	335,062,956,988
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1,748,849,067,351	6,847,081,372	1,742,001,985,979

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ Hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2025:

Nội dung các chỉ tiêu trình bày lại	Mã số	Số cuối kỳ trước (được trình bày lại)	Phân loại, trình bày lại	Số cuối kỳ trước (đã được trình bày trước đây)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1,766,784,104,924)	129,926,783,768	(1,896,710,888,692)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1,184,079,753,664)	129,926,783,768	(1,314,006,537,432)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(212,839,132,396)	(126,480,699,063)	(86,358,433,333)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(116,437,724,489)	(126,480,699,063)	10,042,974,574
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(694,531,550,192)	3,446,084,705	(697,977,634,897)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	712,132,506,765	3,446,084,705	708,686,422,060

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Trần Quế Tâm



Vũ Thị Mai Hân



Đoàn Hồng Việt